TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

2. Ông Lê Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 392/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tạ Thanh B, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Tạ Thanh B có mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/9/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Tạ Thanh B trình bày***:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà B và ông R chung sống với nhau từ năm 1988. Hôn nhân giữa bà B và ông R là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/6/2002. Lý do xin ly hôn: Hai vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Thấy

mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai. Nay, bà B làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông R.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Tú A, sinh năm 1989 và Huỳnh Trí T, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà Tạ Thanh B cung cấp*: Đơn xin ly hôn ngày 13/9/2023 của bà B (bản gốc); CCCD của bà B (bản sao); Chứng nhận kết hôn (bản gốc); Giấy khai sinh của 02 con chung (bảo sao); Bản tự khai ngày 07/9/2023 của bà B (bản gốc); Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao tài liệu chứng cứ ngày 07/9/2023 của bà B; Đơn yêu cầu không hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 07/9/2023 của bà B.

**** Bị đơn ông Huỳnh Văn R**:*

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông R biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông R vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà B. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông R.

**** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương***:

Tại Biên bản xác minh ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đối với Trưởng Ban lãnh đạo ấp C, xã M thì ông R hiện có đăng ký thường trú và vẫn còn đang sinh sống tại ấp Cây Liễu, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Mâu thuẫn giữa bà B và ông R như thế nào thì địa phương không biết nhưng hai người thường xuyên đánh nhau; việc mâu thuẫn và đánh nhau địa phương đã vận động và góp ý nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:***

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà B có mặt; bị đơn ông R đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông R theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà B khởi kiện ông R về việc tranh chấp ly hôn. Ông R có nơi cư trú tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà B có mặt; bị đơn ông R đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông R theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà B:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà B và ông R tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988. Hôn nhân giữa bà B và ông R là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 05/6/2002. Hôn nhân giữa bà B và ông R là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do xin ly hôn: Theo bà B thì vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông R biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông R vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà B đều này cho thấy ông R không có thiện chí đoàn tụ với bà B. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà B và ông R không đạt được những điều đó nên yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Bà B và ông R có 02 con chung tên Huỳnh Tú A, sinh năm 1989 và Huỳnh Trí T, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà B không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thanh B đối với ông Huỳnh Văn R về việc "tranh chấp ly hôn".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Tạ Thanh B được ly hôn với ông Huỳnh Văn R.

1.2. *Về con chung*: Có 02 con chung tên Huỳnh Tú A, sinh năm 1989 và Huỳnh Trí T, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Tạ Thanh B không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Tạ Thanh B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phì Tòa án số AA/2021/0009400 ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 19/02/2024).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng